

Bản án số: 20/2021/HS-ST
Ngày 22 - 4 -2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thạch và ông Trương Xuân Mậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Phụng- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:13/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. TRƯƠNG VĂN A - Sinh ngày 24 tháng 4 năm 1991 tại thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 2, phường N, thành phố H, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn P sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị M sinh năm 1950; Gia đình có 05 anh chị em, A là con thứ 5; chưa có vợ con; tiền án: Có 04 tiền án:

- Ngày 20/01/2009 Toà án nhân TP Đồng Hới xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số: 12/2009/HSST. Tổng hợp hình phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số: 91/2008/HSST ngày 17/11/2008 của TAND thành phố Đồng Hới buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 45 tháng tù;

- Ngày 30/9/2012 Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại tại Bản án số: 82/2012/HSST. Tổng hợp hình phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số: 45/2012/HSST ngày 19/6/2012 buộc phải chấp hành hình phạt chung là 33 tháng tù;

- Ngày 18/9/2015 Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số: 64/HSST;

- Ngày 28/11/2017 Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” Bản án số: 69/HSST. Đã chấp hành xong hình phạt ngày 22/8/2018.

Tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/7/2020 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình. Có mặt tại phiên tòa.

2. TRẦN THỊ N - Sinh ngày 05 tháng 9 năm 1994 tại xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã N, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi tạm trú khi bị bắt: Tổ dân phố C, phường P, thành phố H, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T sinh năm 1965 và bà Trần Thị V sinh năm 1971; Gia đình có 03 anh em, N là con thứ hai; có chồng là anh Lê Gia H (ly thân); có một người con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/7/2020 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình. Có mặt tại phiên tòa.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Chị Trương Thị Đ; địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường N, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại địa phận Tổ dân phố C, phường N, thành phố H, tỉnh Quảng Bình, Tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Quảng Bình phát hiện, bắt quả tang Trương Văn A điều khiển xe mô tô BKS 73F1 - 349.80 cầm trên tay 01 gói cuộn bằng nilon bên trong có 02 túi nilon màu xanh chứa tổng cộng 398 viên nén dạng thuốc tân dược (trong đó có 394 viên nén màu hồng, 04 viên nén màu xanh) và bên trong túi quần cất giấu 01 túi nilon màu hồng chứa 08 vật dạng viên nén hình tròn màu hồng và nhiều viên nén màu hồng đã bị thấm nước dính vào nhau không xác định được số lượng. Trương Văn A khai nhận tất cả số viên nén trên là ma túy.

Lúc 22 giờ 30 phút ngày 29/7/2020, khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đến khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trương Văn A thì phát hiện thấy Trần Thị N đang ngồi chơi ở sân nhà của A, bên cạnh chỗ N ngồi là 01 túi nilon màu xanh bên trong chứa 110 viên nén hình tròn, bao gồm 108 viên màu hồng có ký hiệu “WY” và 02 viên màu xanh có ký hiệu “A”, N khai nhận là ma túy tổng hợp dạng hồng phiến của Trương Văn A nhờ N giữ hộ.

Lực lượng chức năng khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trương Văn A tại TDP2 phường N, TP H, tỉnh Quảng Bình thu giữ 06 viên nén dạng thuốc tân dược hình tròn và 01 gói giấy màu trắng bên trong quần nilon màu đen chứa chất bột màu trắng. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Thị N tại ngõ 110, đường B thuộc TDP C, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Bình thu giữ: 02 viên nén màu xanh, hình tròn và nhiều mảnh vỡ của viên nén màu hồng; 01 gói chất bột màu trắng được gói trong giấy bạc màu vàng.

Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang và khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Thị N được Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình giám định, kết luận: 108 viên nén hình tròn, dạng thuốc tân dược màu hồng là chất ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 10,418gam; một số mảnh vỡ của viên nén màu hồng là chất ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,121gam; chất màu trắng là chất ma túy loại Heroin có khối lượng 0,064gam; 02 viên nén màu xanh thu giữ lúc bắt quả tang và 02 viên nén màu xanh thu giữ lúc khám xét không phải là chất ma tuý có khối lượng 0,376gam.

Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang và khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị can Trương Văn A được Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình giám định, kết luận: chất màu trắng giám định là chất ma túy loại Heroin có khối lượng 3,707gam; 06 viên nén hình tròn là chất ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,579gam; 394viên nén màu hồng giám định là chất ma túy loại Methamphatemin có khối lượng 39,039 gam; 08 viên màu hồng giám định chất ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,431gam; chất màu hồng giám định là chất ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,907gam; 04 viên màu xanh giám định không phải là chất ma tuý có khối lượng 0,392 gam.

Về nguồn gốc số ma tuý: Trương Văn A khai toàn bộ số ma tuý thu giữ lúc bị bắtquả tang và khám xét nhà ở của A và tại phòng trọ của Trần Thị N là của A mua từ người tên “R” ở tỉnh Quảng Trị (A không biết tên thật của R và địa chỉ cụ thể ở đâu) về cất giấu với mục đích sử dụng cho bản thân và bán lại để kiếm lời. Ngày 29/7/2020, ngay tại nhà ở của A, trước khi chuẩn bị đi bán 02 túi ma tuý thì A đã nhờ Trần Thị N giữ 01 túi ma tuý. Ngoài ra, trước đó A có đến phòng trọ của N rồi để lại 02 viên hồng phiến màu xanh và một số mảnh vỡ của viên hồng phiến màu hồng, 01 gói Heroin được gói trong giấy bạc màu vàng tại phòng trọ của Trần Thị N ở ngõ 110, đường B, tổ dân phố C, phường P, thành phố H, tỉnh Quảng Bình.

Trần Thị N khai nhận: Trương Văn A là bạn trai của N, vào khoảng 19 giờ ngày 29/7/2020 khi N đang ngồi chơi ở sân nhà của A tại tổ dân phố 2, phường N, thành phố H, tỉnh Quảng Bình, A đưa cho N 01 túi nilon màu xanh bên trong chứa 110 viên ma tuý hồng phiến, rồi sau đó A bỏ đi đâu N không rõ. Khi N thấy lực lượng Công an đến chuẩn bị khám xét nhà ở của Trương Văn A, N sợ bị phát hiện nên đã dùng tay hất túi nilon có chứa chất ma tuý hồng phiến xuống đất gần chỗ N ngồi, sau đó thì bị bắt. Đối với số ma tuý cơ quan chức năng đã thu giữ trong quá trình khám xét tại phòng trọ của Ngọc cũng là của Trương Văn A đã bỏ lại, sáng ngày 29/7/2020 trong khi dọn dẹp phòng, nhìn thấy số ma tuý ở dưới sàn nhà, N đã cất giấu số ma tuý ở chân cầu thang trong phòng trọ của N. N chỉ biết Trương Văn A có tàng trữ ma tuý và sử dụng ma tuý, không biết việc A có hành vi mua bán ma tuý.

Vật chứng của vụ án đã tạm giữ, gồm:

-01 gói được cuốn bằng nilon trong suốt bên trong có 02 túi nilon màu xanh chứa tổng cộng 398 viên nén dạng thuốc tân dược (trong đó có 394 viên nén màu hồng, 04 viên nén màu xanh); 01 túi nilon màu hồng bên trong chứa 08 vật dạng viên nén, hình tròn, màu hồng và nhiều viên nén màu hồng đã bị thấm nước dính vào nhau không xác định được số lượng.

-01 túi nilon màu xanh bên trong chứa 110 viên nén hình tròn, gồm 108 viên màu hồng có ký hiệu “WY” và 02 viên màu xanh có ký hiệu “A”.

-06 viên nén dạng thuốc tân dược hình tròn và 01 gói giấy màu trắng bên trong quần nilon đen chứa chất bột màu trắng.

-02 viên nén màu xanh, hình tròn và nhiều mảnh vỡ của viên nén màu hồng; 01 gói chất bột màu trắng được gói trong giấy bạc màu vàng.

-01 xe mô tô Yamaha Exciter màu sơn xanh, BKS 73F1-349.80 xe đã qua sử dụng không kiểm tra các chi tiết bên trong.

-01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen đã qua sử dụng có số IMEI1:355849091194267; IMEI2:35584906194262 bên trong máy chứa 01 sim điện thoại có số 0901.716.413.

-01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu trắng đã qua sử dụng có số IMEI355825085064559 bên trong máy chứa 01 sim điện thoại có số 0776.249.551.

Bản Cáo trạng số: 130/CT-VKS-P1 ngày 09/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố Trương Văn A về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 và truy tố Trần Thị N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

-Tại phiên tòa sơ thẩm:

+ Bị cáo Trương Văn A khai nhận toàn bộ số ma túy mà cơ quan điều tra thu giữ tại người bị cáo, tại vị trí mà bị cáo N ngồi, trong nhà bị cáo và tại phòng trọ của bị N đều là của bị cáo A mua của một người tên R ở tỉnh Quảng Trị mang về để bán và sử dụng khi có nhu cầu. Tối ngày 29/7/2020 sau khi nhận được điện thoại hỏi mua ma túy, lúc này đang có N đến chơi nên A có bỏ lại một gói ma túy gần chỗ N ngồi nhờ N trong giữ dùm, còn A mang 01 gói ma túy đi bán và sau đó bị bắt quả tang. A khẳng định việc mua bán ma túy của A thì N hoàn toàn không biết.

+ Bị cáo Trần Thị N khai: Khi N đang ngồi chơi tại sân vườn nhà của A thì A có đem lại một gói nilon đặt trên bờ tường sát bên cạnh chỗ N ngồi rồi bảo “để đó”, sau đó A đi đâu thì N không biết. Khi A đặt gói nilon bên cạnh N thì N biết đó là “ma túy” (vì trước đó N đã thấy A sử dụng ma túy) nên khi thấy Công an vào thì N đã vứt gói ma túy xuống đất để Công an không phát hiện, tuy nhiên sau đó Công an đã phát hiện bắt giữ. Đối với số ma túy trong phòng trọ của N là của bị cáo A trước đó khi đến chơi nhà N đã bỏ lại chứ không phải của N.

+ Đại diện Viện kiểm sát phát biểu luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo như nội dung của bản Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trương Văn A phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị cáo Trần Thị N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt:

Đối với bị cáo Trương Văn A: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt mức án từ 15 năm đến 15 năm 06 tháng tù.

Đối với bị cáo Trần Thị N: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; các điểm s, t

khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt mức án từ 24 đến 36 tháng tù. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho cả hai bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ trong vụ án; tuyên tịch thu sung công 01 điện thoại NOKIA của bị cáo A; trả lại cho bị cáo N 01 điện thoại IPHONE; đề nghị xử lý chiếc xe máy thu giữ của A theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Trong quá trình điều tra vụ án, cũng như tại giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo Trương Văn A đều từ chối người bào chữa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Bình, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2]. Lời khai của bị cáo Trương Văn A và bị cáo Trần Thị N tại phiên tòa phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung của bản Cáo trạng. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận toàn bộ số ma túy mà Cơ quan điều tra bắt quả tang thu giữ tại người bị cáo A lúc đang đi bán, số ma túy tại vị trí mà bị cáo N ngồi, số ma túy trong nhà bị cáo A và số ma túy tại phòng trọ của bị N đều là ma túy do bị cáo A mua về để bán cho các đối tượng nghiện và sử dụng khi có nhu cầu. Do đó, bị cáo A phải chịu trách nhiệm về hành vi “mua bán trái phép chất ma túy” đối với toàn bộ khối lượng ma túy bị bắt giữ trong vụ án.

Đối với Trần Thị N, mặc dù không liên quan đến việc mua bán ma túy của Trương Văn A, tuy nhiên khi A bỏ lại gói nilon (có ma túy bên trong) nhờ N giữ thì N đã đồng ý; N khai là N biết rõ trong gói nilon mà A nhờ N giữ là ma túy (vì đã biết trước đó) nhưng N vẫn đồng ý giữ cho A, hơn nữa khi thấy Công an vào thì N đã vứt gói ma túy xuống đất nhằm để cơ quan chức năng không phát hiện được. Ngoài ra khi khám xét chỗ ở của N còn thu giữ được 02 viên nén màu xanh và nhiều mảnh vỡ của viên nén màu hồng; 01 gói chất bột màu trắng (N khai là ma túy). Vì vậy Trần Thị N phải chịu trách nhiệm về hành vi “tàng trữ trái phép chất ma túy” đối với số ma túy mà N đã trong giữ cho A và số ma túy thu giữ trong phòng trọ của N.

[3]. Kết quả điều tra đã xác định được tổng khối lượng ma túy mà Trương Văn A thừa nhận do A mua về nhằm mục đích để bán lại kiếm lời đã bị Cơ quan điều tra thu giữ là 55,266 gam (bao gồm 51,495 gam *Methamphetamine* và 3,771 gam *Heroin*). Trong đó số ma túy bắt quả tang trên người bị cáo Trương Văn A và khám xét chỗ ở của bị cáo A là 44,663 gam (bao gồm 3,707 gam *Heroin* và 40,956

gam *Methamphetamine*), và số ma túy bắt quả tang và khám xét tại chỗ ở của bị cáo Trần Thị N là 10.603 gam (Trong đó số ma túy mà N giữ dùm cho A tại sân vườn nhà A là 10,418 gam *Methamphetamine*; số ma túy khám xét nơi ở của N là 0,121 gam *Methamphetamine* và 0,064 gam *Heroin*).

Chất *Methamphetamine* nằm trong danh mục các chất ma túy số thứ tự 323, Danh mục II và chất *Heroin* nằm trong danh mục các chất ma túy, số thứ tự 09, Danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; Luật phòng chống ma túy năm 2000 nghiêm cấm hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép.

Như vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Trương Văn A đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự, và hành vi của bị cáo Trần Thị N đã phạm vào tội ‘Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[4]. Hành vi phạm tội của bị cáo Trương Văn A là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có nhân thân xấu (có 4 tiền án), phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm (đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự). Vì vậy cần áp dụng mức án nghiêm khắc để trừng trị, giáo dục đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo A cũng được hưởng các tình tiết giảm nhẹ đó là: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bố của bị cáo (ông Trương Văn P) là người có công với cách mạng, là thương binh loại A, thương tật hạng 3/4 - 45%, vì vậy Hội đồng xét xử cũng áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[5]. Trong vụ án này, bị cáo Trần Thị N không liên quan đến việc mua bán ma túy của bị cáo Trương Văn A. Do N là bạn gái của A nên khi A nhờ thì N đã đồng ý trông giữ số ma túy cho A trong thời gian A đi ra ngoài, và số ma túy tại nơi ở của N cũng là do A bỏ lại chứ N không có ý tàng trữ để sử dụng hoặc mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo N phạm tội với vai trò giúp sức cho Trương Văn A trong việc tàng trữ trái phép chất ma túy, vì vậy bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Thị N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; theo kết luận của cơ quan điều tra thì bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình điều tra giải quyết vụ án; bị cáo có quá trình nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có hoàn cảnh gia đình khó khăn (con còn nhỏ, chồng đã ly thân và hiện nay đi đâu không rõ); bố của bị cáo (ông Trần Văn T) là người có nhiều thành tích trong công tác được Bộ trưởng Bộ y tế tặng Bằng khen và các cơ quan có thẩm quyền tặng thưởng các danh hiệu thi đua khác. Vì vậy, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo N là thỏa đáng.

[6] Bị cáo Trương Văn A phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị cáo Trần Thị N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” lẽ ra phải bị áp dụng thêm hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, tuy nhiên xét thấy các bị cáo đều không có công ăn việc làm ổn định; điều kiện kinh tế khó khăn, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo A và bị cáo N.

[7] Đối với đối tượng bán ma túy cho A tên là R ở tỉnh Quảng Trị, do Trương Văn A không biết tên thật và địa chỉ cụ thể ở đâu nên chưa đủ cơ sở để điều tra làm rõ. Đối với người đã đặt mua ma túy của Trương Văn A vào ngày 29/7/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã thực hiện các biện pháp điều tra nhưng không đủ căn cứ xác định. Vì vậy chưa có căn cứ để xem xét hành vi của các đối tượng trên trong vụ án này.

[8]. Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử thấy cần tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy là tang vật của vụ án.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen đã qua sử dụng có số IMEI1:355849091194267; IMEI2:35584906194262 bên trong máy chứa 01 sim điện thoại có số 0901.716.413. Đây là điện thoại của Đại sử dụng để liên lạc với người mua ma túy nên cần tịch thu sung công.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu trắng đã qua sử dụng có số IMEI1:355825085064559 bên trong máy chứa 01 sim điện thoại có số 0776.249.551. Đây là điện thoại của bị cáo N nhưng không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho bị cáo N.

Đối với 01 xe mô tô Yamaha Ecxiter màu sơn xanh, BKS 73F1-349.80 xe đã qua sử dụng. Chị Trương Thị Đ trình bày chiếc xe này là của chị Đ nhưng chị Đ nhờ A (là em trai của chị Đ) đứng tên trong giấy đăng ký xe; chị Đ cho A mượn để sử dụng vào ngày 29/7/2020 để đi chơi, còn đi đâu chị không rõ, bây giờ chị Đ xin nhận lại xe để sử dụng. Xét thấy ngoài lời trình bày thì chị Đ không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình, nên không có căn cứ để chấp nhận. Trương Văn A là người đứng tên chủ sở hữu xe, A đã sử dụng chiếc xe này để đi bán ma túy nên cần tịch thu chiếc xe để sung công quỹ nhà nước.

[9]. Bị cáo Trương Văn A và bị cáo Trần Thị N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trương Văn A. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Thị N.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trương Văn A phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo Trần Thị N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

-Phạt bị cáo Trương Văn A 15 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo Trương Văn A bị bắt tạm giữ 30/7/2020.

Tiếp tục duy trì Quyết định tạm giam số: 14/2021/HSST - QĐTG ngày 19/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đối với bị cáo Trương Văn A để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Phạt bị cáo Trần Thị N 30 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Trần Thị N bị bắt tạm giữ 30/7/2020.

Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Thị N thời hạn 45 ngày để đảm bảo cho việc thi hành án (có quyết định tạm giam riêng).

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

3.1. Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ số ma túy là tang vật của vụ án đã được Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Bình niêm phong gồm:

+ 01 bì thư dán kín, trên mặt ghi “Số: 1045/GĐ – PC09” “Mẫu ký hiệu A1A, A1B, A2A, A2B và A3”.

+ 01 bì thư dán kín, trên mặt ghi “Số: 1047” “Mẫu ký hiệu A1, A2, A3A, A3B, A4 và A5”.

3.2. Tịch thu sung công:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen đã qua sử dụng có số IMEI1:355849091194267, IMEI2:35584906194262 bên trong máy chứa 01sim điện thoại có số 0901.716.413.

- 01 xe mô tô Yamaha Ecxiter màu sơn xanh, BKS 73F1-349.80 xe đã qua sử dụng không kiểm tra các chi tiết bên trong. Không có gương chiếu hậu, cần đạp.

3.3. Trả lại cho bị cáo Trần Thị N:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu trắng đã qua sử dụng có số IMEI:355825085064559 bên trong máy chứa 01 sim điện thoại có số 0776.249.551. Không bật được nguồn nên không kiểm tra được IMEI của máy.

Các vật chứng trên (từ mục 3.1 đến 3.3) hiện có tại kho vật chứng của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình và có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan điều tra và Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình ngày 16/4/2021.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trương Văn A và bị cáo Trần Thị N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trương Văn A, bị cáo Trần Thị N, người có quyền lợi liên quan đến vụ án (chị Trương Thị Đ) có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/4/2021).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- PV 06 Công an tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư Pháp tỉnh Quảng Bình;
- LưuAV; Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hữu Sỹ